

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGHĨA HƯNG  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 30 - 11 - 2023

V/v ly hôn giữa chị Trần Thị Đ và  
anh Cù Văn T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Chung.*

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Chạc.

2. Bà Dương Thị Vui.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà:***  
Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 giữa:

\* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1995; Địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

\* *Bị đơn:* Anh Cù Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà có mặt chị Đ; vắng mặt anh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai của chị Đ thể hiện: Chị Đ và anh Cù Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã

N, huyện N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng ở xã N, huyện N. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được mấy năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham chơi, đua đòi, nghiện ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hoà giải. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Đ xác định chị và anh T có ba con chung là Cù Minh H, sinh ngày 12/3/2014, Cù Văn H1, sinh ngày 20/02/2016 và Cù Văn K, sinh ngày 25/7/2018; hiện cả ba cháu đang ở cùng chị Đ. Sau khi ly hôn, chị Đ xin được nuôi cả ba cháu và không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay anh Cù Văn T vắng mặt nhưng có lời khai xác định: Anh T nhất trí với ý kiến của chị Đ về quá trình kết hôn, chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Anh T xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T là người nghiện ma túy, không có công ăn việc làm, chơi bời. Anh và chị Đ sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh T cũng xác định tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn với chị Đ. Về con chung: Anh T có ý kiến thống nhất với ý kiến của chị Đ về con chung; anh là người nghiện ma túy, không có việc làm, tài sản nên nhất trí để chị Đ nuôi cả ba con chung và không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đ; đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đ và anh T. Về con chung: Giao ba cháu Cù Minh H, sinh ngày 12/3/2014, Cù Văn H1, sinh ngày 20/02/2016 và Cù Văn K, sinh ngày 25/7/2018 cho chị Đ nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung; áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14, đề nghị Tòa án tuyên án phí chị Đ phải nộp là 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà (có đề nghị xét xử vắng mặt) nên Toà án tiến hành mở phiên toà xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Đ và anh Cù Văn T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Đ, anh T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham chơi, nghiện ma túy không quan tâm đến gia đình. Từ năm 2018 cho đến nay, anh T, chị Đ đã sống ly thân. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị Đ đề n Toà án giải quyết ly hôn với anh T là có cơ sở; anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Đ nên xử thuận tình ly hôn giữa chị Đ và anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh T có ba con chung là Cù Minh H, sinh ngày 12/3/2014, Cù Văn H1, sinh ngày 20/02/2016 và Cù Văn K, sinh ngày 25/7/2018; hiện cả ba cháu đang ở cùng chị Đ. Sau khi ly hôn, chị Đ, anh T đều có ý kiến thống nhất là chị Đ sẽ tiếp tục nuôi cả ba cháu Cù Minh H, Cù Văn H1 và Cù Văn K. Do vậy giao cho chị Đ tiếp tục nuôi ba cháu Cù Minh H, Cù Văn H1 và Cù Văn K là phù hợp, đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần và theo nguyện vọng của hai cháu H và H1, theo Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Đ và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp;  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;  
Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Xử thuận tình ly hôn chị Trần Thị Đ và anh Cù Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Đ tiếp tục nuôi dưỡng cả ba con chung là Cù Minh H, sinh ngày 12/3/2014, Cù Văn H1, sinh ngày 20/02/2016 và Cù Văn K, sinh ngày 25/7/2018; hiện cả ba cháu đang ở cùng chị Đ. Anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ.

Không ai được ngăn cản quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và thăm nom con chung.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Đ đã nộp theo biên lai số 0001068 ngày 24/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị Đ đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị Đ, vắng mặt anh T. Chị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

**Nơi nhận:**

- Toà án Tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- THADS huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã Nghĩa Thái;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Phạm Văn Chúng**

